

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/5/2018.

*“V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khanh

2. Ông Huỳnh Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02/3/2018 về *“Tranh chấp hôn ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/4/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Dương Cẩm A, sinh năm 1970 (có mặt).

*** Bị đơn:** Bà Thạch Thị B (Thạch Thị Sa B), sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã D, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Cẩm A thì vụ án có nội dung như sau:**

Nguyên đơn A và bị đơn B tự nguyện tổ chức đám cưới về sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện K, tỉnh Hậu Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/1989. Trong quá trình sống chung có 02 con chung tên Dương Kim Quỳnh M, sinh ngày 08/02/1990 và Dương Kim Quỳnh T, sinh ngày 06/10/1996.

Do tính tình không hợp và không cùng quan điểm sống nên vợ chồng sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 7 năm nay. Hiện nay nguyên đơn A không còn tình cảm yêu thương bị đơn B và cương quyết không sống chung cùng bị đơn B. Vì vậy, nguyên đơn A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân

dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết để nguyên đơn A được ly hôn vợ là bị đơn B.

- *Về con chung*: Cả 02 con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn B trình bày*: Bà thừa nhận nguyên đơn A trình bày về thời gian tổ chức đám cưới về sống chung, thời gian đăng ký kết hôn, con chung và thời gian không sống chung là đúng sự thật. Bị đơn B không đồng ý ly hôn, vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn và mong muốn các con có đủ cả cha và mẹ.

- *Về con chung*: Thừa nhận cả 02 con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa như sau*:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A, giải quyết để nguyên đơn A được ly hôn vợ là bị đơn B. Các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết. Tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận họ tự nguyện tổ chức đám cưới về sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện K, tỉnh Hậu Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/1989. Trong quá trình sống chung có 02 con chung tên Dương Kim Quỳnh M, sinh ngày 08/02/1990 và Dương Kim Quỳnh T, sinh ngày 06/10/1996. Lời thừa nhận nêu trên của các đương sự phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh của con chung do các đương sự cung cấp. Vì vậy, theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được ly hôn bị đơn B vì cho rằng sống chung không hạnh phúc, bị đơn B không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa tới mức phải ly hôn và mong muốn các con có đủ cả cha và mẹ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn A thì thấy rằng: Tình cảm vợ chồng phải được cả hai cùng vun đắp, xây dựng, không thể xuất phát từ một bên, vợ chồng các đương sự đã không sống khoảng 7 năm nay. Xét thấy, nguyên đơn A và bị đơn B không sống chung đã lâu, trong một thời gian dài các bên không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn A không còn tình cảm yêu thương bị đơn B và cương quyết không sống chung với bị đơn B, thì không ai có quyền ép buộc nguyên đơn A phải sống chung với bị đơn B. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn A, tuyên bố nguyên đơn Dương Cẩm A được ly hôn vợ là bị đơn Thạch Thị B (Thạch Thị Sa B).

[4] *Về con chung*: Các đương sự đều thừa nhận 02 con chung tên Dương Kim Quỳnh M, sinh ngày 08/02/1990 và Dương Kim Quỳnh T, sinh ngày 06/10/1996 đã trưởng thành và phát triển bình thường về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] *Về nợ chung*: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận như những căn cứ và phân tích nêu trên.

[7] *Án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn A phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Cẩm Nang.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn Dương Cẩm A được ly hôn vợ là bị đơn Thạch Thị B (Thạch Thị Sa B).

2. *Về con chung*: Các đương sự đều thừa nhận 02 con chung tên Dương Kim Quỳnh M, sinh ngày 08/02/1990 và Dương Kim Quỳnh T, sinh ngày 06/10/1996 đã trưởng thành và phát triển bình thường về thể chất và tinh thần nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. *Án phí*:

Nguyên đơn A phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn A đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0001034, ngày 28/02/2018, nguyên đơn A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND thị trấn S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung